

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS

Cho cho giai đoạn tài chính 03 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	04 - 22
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	09 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS HOLDINGS (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính 03 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0106673358 ngày 23/10/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 06/09/2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại tầng 25 Tòa tháp A, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 03 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Sơn	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2019)
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên	
Ông Preben Hjortlund	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Phi Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Quỳnh Giang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Đức Đông	Thành viên
Bà Trần Thị Phan Thủy	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 03 tháng 09 năm 2019 là Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ; và từ ngày 03 tháng 09 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Việt Sơn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2019

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Sơn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		33.451.864.668	16.549.724.574
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	444.229.474	1.175.356.493
111 1. Tiền		444.229.474	1.175.356.493
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.812.964.432	15.237.611.296
132 1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		22.000.000	-
135 2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	4.280.000.000	4.480.000.000
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	28.510.964.432	10.757.611.296
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		194.670.762	136.756.785
152 1. Thuế GTGT được khấu trừ		194.670.762	136.756.785
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		118.096.445.805	118.096.445.805
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	118.096.445.805	118.096.445.805
251 1. Đầu tư vào công ty con		15.971.445.805	15.971.445.805
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		102.125.000.000	102.125.000.000
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		151.548.310.473	134.646.170.379

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		16.554.200.497	780.183.776
310 I. Nợ ngắn hạn		16.554.200.497	780.183.776
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn		154.000.000	322.109.000
313 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7	124.306.118	35.142.830
314 3. Phải trả người lao động		286.173.753	-
315 4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	190.000.000
319 5. Phải trả ngắn hạn khác	8	15.989.720.626	232.931.946
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		134.994.109.976	133.865.986.603
410 I. Vốn chủ sở hữu	9	134.994.109.976	133.865.986.603
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		133.000.000.000	133.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		133.000.000.000	133.000.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.994.109.976	865.986.603
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		865.986.603	(738.714.900)
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		1.128.123.373	1.604.701.503
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		151.548.310.473	134.646.170.379

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu



Vũ Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Mạc Hoàng Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 3 năm 2019

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
01	0. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	-	-
02	0. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	0. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	-	-
11	0. Giá vốn hàng bán	-	-	-	-
20	0. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	-	-
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	18.395.646.673	83.902.725	19.726.403.769	1.092.974.051
22	1. Chi phí tài chính	-	-	-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-	-
25	1. Chi phí bán hàng	-	-	-	-
26	2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.479.382.012	30.097.501	2.638.280.396	379.302.536
30	3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.916.264.661	53.805.224	17.088.123.373	713.671.515
31	3. Thu nhập khác	-	-	-	-
32	3. Chi phí khác	-	-	-	-
40	3. Lợi nhuận khác	-	-	-	-
50	4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.916.264.661	53.805.224	17.088.123.373	713.671.515

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 3 năm 2019

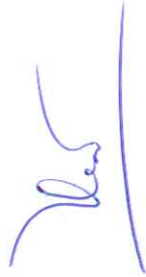
Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
51	4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
60	5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>16.916.264.661</u>	<u>53.805.224</u>	<u>17.088.123.373</u>	<u>713.671.515</u>

Người lập biểu



Vũ Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Mạc Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2019



Nguyễn Việt Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.088.123.373	713.671.515
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.726.403.769)	(1.092.974.051)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.638.280.396)	(379.302.536)
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(107.417.297)	8.926.591.692
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(185.983.279)	(12.551.909)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		-	6.842.163
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.931.680.972)	8.541.579.410
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
24	1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		200.000.000	800.000.000
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(103.625.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.000.553.953	842.474.051
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.200.553.953	(101.982.525.949)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	95.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	95.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(731.127.019)	1.559.053.461
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.175.356.493	107.310.350
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>444.229.474</u>	<u>1.666.363.811</u>

Người lập biểu



Vũ Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Mạc Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0106673358 ngày 23/10/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 06/09/2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại tầng 25 Tòa tháp A, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 03 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty là 133.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba tỷ đồng chẵn), tương đương 13.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, Công ty có 5 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	99%	99%	Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý Bất động sản
- Công Ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading	51%	51%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	94,75%	94,75%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ vệ sinh, làm sạch chuyên nghiệp
- Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	99,50%	99,50%	Số 60 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
- Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ V-ONE	100%	100%	Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 4. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính 03 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.10 . Doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.11 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

2.12 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.13 . Thông tin bộ phận

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là quản lý vốn. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ của Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hoạt động của Công ty hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. theo đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày báo cáo bộ phận.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	337.500.000	337.500.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	106.729.474	837.856.493
	<u>444.229.474</u>	<u>1.175.356.493</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con (i)	15.971.445.805	15.971.445.805	15.971.445.805	15.971.445.805
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	4.993.945.805	4.993.945.805	4.993.945.805	4.993.945.805
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Thương Mại TNTrading	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	4.737.500.000	4.737.500.000	4.737.500.000	4.737.500.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhật Việt	1.690.000.000	1.690.000.000	1.690.000.000	1.690.000.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác (ii)	102.125.000.000	102.125.000.000	102.125.000.000	102.125.000.000
- Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	65.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
- Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	37.125.000.000	37.125.000.000	37.125.000.000	37.125.000.000
	118.096.445.805	118.096.445.805	118.096.445.805	118.096.445.805

(i) Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2019 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	Hà Nội	99,00%	99,00%	Cung cấp dịch vụ quản lý Bất động sản
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Thương Mại TNTrading	Hà Nội	51,00%	51,00%	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	Hà Nội	94,75%	94,75%	Dịch vụ vệ sinh, làm sạch chuyên nghiệp
- Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	Hà Nội	99,50%	99,50%	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	Hà Nội	100,00%	100,00%	Cung cấp dịch vụ bảo vệ

(ii) Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác của Công ty vào ngày 30/09/2019 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	Hà Nội	9,09%	9,09%	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	Hà Nội	12,37%	12,37%	Kinh doanh bất động sản

5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Sông Hồng (*)	4.280.000.000	-	4.280.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuận	-	-	200.000.000	-
	4.280.000.000	-	4.480.000.000	-

(*) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 5%/năm. Khoản vay này được gia hạn trả nợ đến ngày 30/09/2019.

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức (i)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	19.662.024.865	-	2.113.941.716	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần (ii)	2.450.000.000	-	2.450.000.000	-
Phải thu lãi cho vay	1.348.766.667	-	1.171.000.000	-
Phải thu khác	50.172.900	-	22.669.580	-
	28.510.964.432	-	10.757.611.296	-
b) Phải thu khác là các bên liên quan	19.662.024.865	-	2.113.941.716	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 15)

(i) Đây là khoản tiền tạm ứng thực hiện hợp đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/HTKD/ND-TNSHOLDINGS ký ngày 31 tháng 3 năm 2018 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức. Theo đó, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức sẽ thực hiện việc tìm kiếm khách hàng tiềm năng và giới thiệu cho Công ty để cho thuê, mua đất, với thời hạn hợp tác trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(ii) Bao gồm các khoản phải thu về chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading cho Bà Nguyễn Thị Bích Thủy và Ông Nguyễn Đức Phương, là hai cổ đông của Công ty với giá trị lần lượt là 1.500.000.000 VND và 950.000.000 VND.

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	35.142.830	189.802.616	100.639.328	124.306.118
	35.142.830	189.802.616	100.639.328	124.306.118

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	27.020.626	16.316.691
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	2.700.000	216.615.255
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.960.000.000	-
	15.989.720.626	232.931.946

9 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	38.000.000.000	(738.714.900)	37.261.285.100
Tăng vốn trong kỳ trước	95.000.000.000	-	95.000.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	713.671.515	713.671.515
Số dư cuối kỳ trước	133.000.000.000	(25.043.385)	132.974.956.615
Số dư đầu kỳ trước	133.000.000.000	865.986.603	133.865.986.603
Lãi trong kỳ này	-	17.088.123.373	17.088.123.373
Phân phối lợi nhuận	-	(15.960.000.000)	(15.960.000.000)
Số dư cuối kỳ này	133.000.000.000	1.994.109.976	134.994.109.976

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 34/2019/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 09 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Phân phối lợi nhuận	
- Chi trả cổ tức 12% trên vốn điều lệ (*) (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.200 VND)	15.960.000.000
	15.960.000.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/09/2019	Tỷ lệ	01/01/2019	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm	106.400.000.000	80,00	106.400.000.000	80,00
Nguyễn Thị Thanh Hương	6.210.000.000	4,67	6.210.000.000	4,67
Hà Thị Bích Hạnh	6.210.000.000	4,67	6.210.000.000	4,67
Trần Việt Hương	6.200.000.000	4,66	6.200.000.000	4,66
Nguyễn Đức Phương	5.882.600.000	4,42	6.078.000.000	4,57
Các cổ đông khác	2.097.400.000	1,58	1.902.000.000	1,43
	<u>133.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>133.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	9 tháng đầu năm 2019	9 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	133.000.000.000	38.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	95.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	<u>133.000.000.000</u>	<u>133.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	15.960.000.000	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	15.960.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	-
- Số dư cuối kỳ	<u>15.960.000.000</u>	<u>-</u>

d) Cổ phiếu

	30/09/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.300.000	13.300.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.300.000	13.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.300.000	13.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.300.000	13.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.300.000	13.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

10 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	9 tháng đầu năm 2019	9 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	553.953	456.308
Lãi tiền cho vay	177.766.667	250.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.548.083.149	842.017.743
	<u>19.726.403.769</u>	<u>1.092.974.051</u>

11 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	9 tháng đầu năm 2019	9 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	7.242.163
Chi phí nhân công	2.081.044.628	161.603.101
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	358.319.236	198.677.999
Chi phí khác bằng tiền	195.916.532	8.779.273
	<u>2.638.280.396</u>	<u>379.302.536</u>

12 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	9 tháng đầu năm 2019	9 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	17.088.123.373	713.671.515
Các khoản điều chỉnh giảm	(19.548.083.149)	(842.017.743)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(19.548.083.149)	(842.017.743)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(2.459.959.776)	(128.346.228)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>-</u>	<u>-</u>

13 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	444.229.474	-	1.175.356.493	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.510.964.432	-	10.757.611.296	-
Các khoản cho vay	4.280.000.000	-	4.480.000.000	-
Đầu tư dài hạn	102.125.000.000	-	102.125.000.000	-
	<u>135.360.193.906</u>	<u>-</u>	<u>118.537.967.789</u>	<u>-</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/09/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			16.143.720.626	555.040.946
Chi phí phải trả			-	190.000.000
			<u>16.143.720.626</u>	<u>745.040.946</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2019		
Đầu tư dài hạn	102.125.000.000	102.125.000.000
	102.125.000.000	102.125.000.000
Tại ngày 01/01/2019		
Đầu tư dài hạn	102.125.000.000	102.125.000.000
	102.125.000.000	102.125.000.000

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2019				
Tiền và tương đương tiền	444.229.474	-	-	444.229.474
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.510.964.432	-	-	28.510.964.432
Các khoản cho vay	4.280.000.000	-	-	4.280.000.000
	33.235.193.906	-	-	33.235.193.906
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và tương đương tiền	1.175.356.493	-	-	1.175.356.493
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.757.611.296	-	-	10.757.611.296
Các khoản cho vay	4.480.000.000	-	-	4.480.000.000
	16.412.967.789	-	-	16.412.967.789

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	16.143.720.626	-	-	16.143.720.626
	<u>16.143.720.626</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.143.720.626</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	555.040.946	-	-	555.040.946
Chi phí phải trả	190.000.000	-	-	190.000.000
	<u>745.040.946</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>745.040.946</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

14 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

15 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	Công ty con
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	Công ty con
- Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	Công ty con

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	9 tháng đầu	9 tháng đầu
		năm 2019	năm 2018
		VND	VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con		-	103.925.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	Công ty con	-	300.000.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	Công ty con	-	1.500.000.000
- Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	Đầu tư khác	-	65.000.000.000
- Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	Đầu tư khác	-	37.125.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		19.548.083.149	842.017.743
- Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	1.728.083.149	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	Công ty con	17.820.000.000	842.017.743
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu		19.662.024.865	2.113.941.716
- Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	1.842.024.865	2.113.941.716
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	Công ty con	17.820.000.000	

16 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019.

Người lập biểu



Vũ Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Mạc Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Sơn